

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN  
TOÀN CẦU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30  
tháng 9 năm 2014**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-4
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT SÉT</b>	5
Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-37
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014.

**1. Thông tin chung về tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem và Công ty cổ phần IN NO.

**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ("Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý kỹ gởi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán đồng, sắt, thép;



- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nồi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Trong 6 tháng đầu năm tài chính 2014, các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi;
- Sửa chữa accu điện, bộ phận cấp điện liên tục UPS.

### **Các công ty con**

#### **Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem**

Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem ("Công ty") là công ty liên doanh giữa Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và Công ty TNHH Site preparation management, Atlas CSF Sdn. Bhd., được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại lầu 7 Tòa nhà Waseco, số 10, đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng có mã số nhập khẩu 4 chữ số sau: 7411, 7412, 8302, 8415, 8418, 8421, 8424, 8470, 8471, 8479, 8501, 8502, 8504, 8506, 8507, 8513, 8517, 8524, 8531, 8535, 8536, 8537, 8539, 9026, 9028.

Trong 6 tháng đầu năm tài chính 2014, hoạt động chính của Công ty là bán hàng điện lạnh, thiết bị tin học và cung cấp các dịch vụ liên quan.

#### **Công ty cổ phần IN NO**

Công ty cổ phần IN NO ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303655453 ngày 31 tháng 01 năm 2005 và thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất và bán buôn linh kiện điện tử, viễn thông; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xử lý dữ liệu, cho thuê; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất pin và ắc quy và thiết bị điện khác; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa máy móc thiết bị; Xuất bản phần mềm; Tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm; Giáo dục nghề nghiệp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Trong 6 tháng đầu năm tài chính 2014, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

**2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty mẹ**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty mẹ trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Mai Tuấn Tú	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014 từ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Ông Lâm Thiệu Quân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên
Ông Thomas Hermansen	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)

**Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên (từ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Hồ Bá Phúc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc
Ông Lê Công Việt	Phó Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh của Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (Công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

  
**LÂM THIỆU QUÂN**  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014



Số : 122/2014/BCSXHN-HCM.00581

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến vấn đề sau: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.26.1 của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty mẹ đã chia cổ tức từ nguồn thặng dư vốn cổ phần là 6.083.358.132 VND theo phương án chia cổ tức trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2014.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Nexia ACPA kiểm toán, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 02 tháng 6 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**TRANG ĐẮC NHA**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

**DIỆP QUỐC BÌNH**  
 Kiểm toán viên  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
 Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.642.208.710</b>	<b>149.762.186.838</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>18.841.227.050</b>	<b>25.106.570.692</b>
Tiền	111		5.841.227.050	11.606.570.692
Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	13.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>59.310.616.912</b>	<b>53.608.300.859</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		59.310.616.912	53.608.300.859
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>31.074.721.659</b>	<b>48.738.712.708</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	29.767.972.996	45.782.440.232
Trả trước cho người bán	132	4.4	543.291.749	1.095.508.411
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	3.760.854.815	4.850.084.153
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(2.997.397.901)	(2.989.320.088)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>17.825.087.124</b>	<b>15.983.561.448</b>
Hàng tồn kho	141		19.833.451.792	18.081.631.760
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.008.364.668)	(2.098.070.312)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.590.555.965</b>	<b>6.325.041.131</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	1.618.799.352	2.629.623.573
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.21	1.127.250.000	1.127.250.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	2.844.506.613	2.568.167.558



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.553.179.612</b>	<b>21.877.731.664</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.262.261.706</b>	<b>11.556.586.173</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	1.117.011.706	1.223.461.173
Nguyên giá	222		2.209.320.795	2.177.720.795
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.092.309.089)	(954.259.622)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	10.145.250.000	10.333.125.000
Nguyên giá	228		11.382.188.000	11.382.188.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.236.938.000)	(1.049.063.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.12	<b>1.827.364.275</b>	<b>3.385.063.089</b>
Nguyên giá	241		40.082.180.166	40.035.407.440
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(38.254.815.891)	(36.650.344.351)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.13	<b>1.075.402.517</b>	<b>1.247.608.308</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		4.005.954.517	4.178.160.308
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.930.552.000)	(2.930.552.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.194.549.287</b>	<b>3.326.133.667</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	205.004.366	389.162.314
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.15	234.107.015	176.210.880
Tài sản dài hạn khác	268	4.16	2.755.437.906	2.760.760.473
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	4.17	<b>2.193.601.827</b>	<b>2.362.340.427</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>152.195.388.322</b>	<b>171.639.918.502</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.867.766.914</b>	<b>55.540.353.157</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.012.616.072</b>	<b>41.517.893.470</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.18	6.393.950.291	4.231.400.000
Phải trả cho người bán	312	4.19	8.357.481.722	16.534.222.505
Người mua trả tiền trước	313	4.20	982.592.185	3.492.870.437
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.21	2.466.086.017	5.282.315.090
Phải trả công nhân viên	315		973.580.524	-
Chi phí phải trả	316	4.22	621.530.402	739.727.454
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.23	11.412.474.871	7.723.915.572
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.24	2.238.307.032	1.714.976.347
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.566.613.028	1.798.466.065
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.855.150.842</b>	<b>14.022.459.687</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		827.529.250	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	564.365.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	4.25	7.027.621.592	13.458.094.687
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.119.912.475</b>	<b>108.951.674.806</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.26	<b>106.119.912.475</b>	<b>108.951.674.806</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	6.083.358.132
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(1.007.355.357)	(1.007.355.357)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.446.467.283	2.156.513.283
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.316.340.549	9.354.698.748
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	4.27	<b>3.207.708.933</b>	<b>7.147.890.539</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>152.195.388.322</b>	<b>171.639.918.502</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2014	01/04/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
USD	4.1	5.146,32	2.694,00
EUR	4.1	188,84	194,00
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



PHAN THỊ KIM ANH  
Người lập



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>56.353.946.949</b>	<b>90.866.254.710</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		126.664.000	15.765.180
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>56.227.282.949</b>	<b>90.850.489.530</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>35.033.984.068</b>	<b>60.311.136.492</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>21.193.298.881</b>	<b>30.539.353.038</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.502.463.895	3.530.368.846
Chi phí tài chính	22	5.4	313.065.762	387.529.324
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		258.848.292	251.710.353
Chi phí bán hàng	24	5.5	9.071.028.151	7.463.537.876
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	4.825.369.415	6.968.243.559
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.486.299.448</b>	<b>19.250.411.125</b>
Thu nhập khác	31	5.7	22.114.626	320.001.023
Chi phí khác	32	5.8	160.463.590	12.023.451
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(138.348.964)</b>	<b>307.977.572</b>
<b>Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.347.950.484</b>	<b>19.558.388.697</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	2.151.567.733	4.369.410.713
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.10	(57.896.135)	10.268.810
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7.254.278.886</b>	<b>15.178.709.174</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		795.647.477	2.079.218.441
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		6.458.631.409	13.099.490.733
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	5.11	<b>704</b>	<b>1.427</b>

*Handwritten signature*

**PHAN THỊ KIM ANH**  
Người lập

*Handwritten signature*

**PHAN THỊ KIM ANH**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN HỮU DŨNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Mã số	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.347.950.484	19.558.388.697
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.930.396.007	4.023.255.337
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(81.627.831)	341.929.808
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(98.395.982)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.497.481.333)	(3.530.368.846)
Chi phí lãi vay	06	258.848.292	251.710.353
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.958.085.619</b>	<b>20.546.519.367</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.678.906.458	(14.068.247.929)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.751.820.032)	2.102.993.200
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(8.256.092.564)	2.545.800.271
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	1.363.720.769	1.093.920.064
Tiền lãi vay đã trả	13	(258.848.292)	(264.310.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.821.116.899)	(15.539.140.464)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	115.617.471	344.048.702
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(786.009.900)	(1.014.887.046)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.242.442.630</b>	<b>(4.253.304.188)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(78.372.726)	(1.402.291.929)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	210.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.570.357.720)	(54.274.586.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	10.040.247.458	24.727.532.559
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	31.061.186.970
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.025.521.275	10.349.140.086
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.582.961.713)</b>	<b>10.670.981.686</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.894.545.142	24.565.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.731.994.851)	(23.686.344.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.087.374.850)	(45.134.642.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.924.824.559)</b>	<b>(44.255.986.688)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(6.265.343.642)</b>	<b>(37.838.309.190)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>25.106.570.692</b>	<b>63.350.560.781</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>18.841.227.050</b>	<b>25.512.251.591</b>

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Người lập

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Kế toán trưởng

  
  
**NGUYỄN HỮU DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

---

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem và Công ty cổ phần IN NO.

### Công ty mẹ

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ("Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán đồng, sắt, thép;



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nồi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi;
- Sửa chữa accu điện, bộ phận cấp điện liên tục UPS.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 59 người (ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 66 người).

**Các công ty con**

**Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem**

Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem ("Công ty") là công ty liên doanh giữa Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và công ty TNHH Site preparation management, Atlas CSF Sdn. Bhd., được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại lầu 7 Tòa nhà Waseco, số 10, đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng có mã số nhập khẩu 4 chữ số sau: 7411, 7412, 8302, 8415, 8418, 8421, 8424, 8470, 8471, 8479, 8501, 8502, 8504, 8506, 8507, 8513, 8517, 8524, 8531, 8535, 8536, 8537, 8539, 9026, 9028.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, hoạt động chính của Công ty là bán hàng điện lạnh, thiết bị tin học và cung cấp các dịch vụ liên quan.



Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty mẹ là 51%.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 34 người (ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 29 người).

#### **Công ty cổ phần IN NO**

Công ty cổ phần IN NO ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303655453 ngày 31 tháng 01 năm 2005 và thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất và bán buôn linh kiện điện tử, viễn thông; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xử lý dữ liệu, cho thuê; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất pin và ắc quy và thiết bị điện khác; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa máy móc thiết bị; Xuất bản phần mềm; Tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm; Giáo dục nghề nghiệp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty mẹ là 99,96%.

Số nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 và vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 01 người.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung



### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lỗ đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn, được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Dụng cụ quản lý	2 - 6 năm

### 3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê 5.000 m<sup>2</sup> đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

#### *Phần mềm*

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### 3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các nhà trạm thu phát sóng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư là các trạm thu phát sóng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 - 6 năm.

### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm thiết bị, công cụ dụng cụ, khoản trả trước tiền thuê đất trạm BTS, tiền thuê của trạm và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản trả trước tiền bảo trì bảo dưỡng trạm BTS, chi phí sửa chữa văn phòng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh từ trên 1 năm đến 3 năm.

### **3.11 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các Công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

### **3.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### **3.13 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

Dự phòng phải trả ngắn hạn bao gồm các khoản dự phòng bảo hành mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thực hiện theo các Hợp đồng bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, và khoản dự phòng phải trả khác.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

### **3.14 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

### **3.15 Các khoản trích theo lương**

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### **3.1 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

### 3.2 Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

### 3.3 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.4 Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

### 3.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **3.6 Công cụ tài chính**

#### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.7 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính này, các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

<b>Công ty</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/04/2014</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	197.700.838	312.041.540
- VND	193.074.878	312.041.540
- USD (1)	4.625.960	-
Tiền gửi ngân hàng	5.643.526.212	11.294.529.152
- VND	5.533.054.849	11.232.087.147
- USD (2)	105.014.719	56.830.746
- EUR (2)	5.456.644	5.611.259
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	13.000.000.000	13.500.000.000
	<b>18.841.227.050</b>	<b>25.106.570.692</b>

(1) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, tiền mặt tại quỹ bằng USD là 218,00 USD tương đương 4.625.960 VND.

(2) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, chi tiết số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	5.146,32	105.014.719
Tiền gửi ngân hàng – EUR	188,84	5.456.644
		<b>110.471.363</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	52.710.616.912	53.288.300.859
Các khoản cho vay (*)	6.600.000.000	320.000.000
	<b>59.310.616.912</b>	<b>53.608.300.859</b>

(\*) Các khoản cho vay vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 bao gồm:

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Khoản cho Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong vay, lãi suất 10,56%/năm - 12%/năm, không có đảm bảo bằng tài sản.	-	320.000.000
Khoản cho công ty TNHH MTV Kỹ thuật công nghệ Tiên Phong vay, lãi suất 10,56%/năm, không có đảm bảo bằng tài sản.	5.000.000.000	-
Khoản cho Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến vay, lãi suất 0,88%/tháng, không có đảm bảo bằng tài sản.	1.600.000.000	-
	<b>6.600.000.000</b>	<b>320.000.000</b>

**4.3 Phải thu khách hàng**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Phải thu thương mại – bên liên quan	384.599.300	576.618.280
Phải thu thương mại – bên thứ ba	29.383.373.696	45.205.821.952
	<b>29.767.972.996</b>	<b>45.782.440.232</b>

**4.4 Trả trước cho người bán**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Trả trước cho người bán – bên liên quan	49.826.084	-
Trả trước cho người bán – bên thứ ba	493.465.665	1.095.508.411
	<b>543.291.749</b>	<b>1.095.508.411</b>

**4.5 Phải thu khác**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	2.900.456.962	4.391.107.394
Phải thu phí tiện ích	35.436.930	53.233.021
Phải thu khác	824.960.923	405.743.738
	<b>3.760.854.815</b>	<b>4.850.084.153</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu kỳ	2.989.320.088	1.024.879.870
Dự phòng tăng trong kỳ	23.574.173	2.159.473.023
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(15.496.360)	(195.032.805)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.997.397.901</b>	<b>2.989.320.088</b>

**4.7 Hàng tồn kho**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Nguyên vật liệu	2.267.136.715	2.167.120.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.348.096.855	5.648.412.242
Thành phẩm	150.982.437	400.920.066
Hàng hóa	12.067.235.785	9.865.178.746
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>19.833.451.792</b>	<b>18.081.631.760</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2.008.364.668)	(2.098.070.312)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>17.825.087.124</b>	<b>15.983.561.448</b>

(\*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu kỳ	2.098.070.312	2.086.262.876
Dự phòng tăng trong kỳ	-	11.807.436
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(89.705.644)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.008.364.668</b>	<b>2.098.070.312</b>

**4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Công cụ dụng cụ	222.984.366	353.215.142
Thuê đất trạm thu phát sóng	1.341.256.572	1.702.833.431
Chi phí khác	54.558.414	573.575.000
	<b>1.618.799.352</b>	<b>2.629.623.573</b>

**4.9 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Tạm ứng	2.237.437.240	2.173.423.135
Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn khác	607.069.373	394.744.423
	<b>2.844.506.613</b>	<b>2.568.167.558</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/04/2014	233.238.338	76.065.586	1.692.338.154	176.078.717	2.177.720.795
Mua sắm trong kỳ	-	31.600.000	-	-	31.600.000
Xây dựng trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 30/09/2014	233.238.338	107.665.586	1.692.338.154	176.078.717	2.209.320.795
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/04/2014	66.317.647	56.402.037	674.348.507	157.191.431	954.259.622
Khấu hao trong kỳ	19.436.538	7.273.211	98.926.896	12.412.822	138.049.467
Vào ngày 30/09/2014	85.754.185	63.675.248	773.275.403	169.604.253	1.092.309.089
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/04/2014	166.920.691	19.663.549	1.017.989.647	18.887.286	1.223.461.173
Vào ngày 30/09/2014	147.484.153	43.990.338	919.062.751	6.474.464	1.117.011.706

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	537.957.227 VND
Vào ngày 30/09/2014	623.023.894 VND

**4.11 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/04/2014	11.272.500.000	109.688.000	11.382.188.000
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30/09/2014	11.272.500.000	109.688.000	11.382.188.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/04/2014	939.375.000	109.688.000	1.049.063.000
Khấu hao trong kỳ	187.875.000	-	187.875.000
Vào ngày 30/09/2014	1.127.250.000	109.688.000	1.236.938.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/04/2014	10.333.125.000	-	10.333.125.000
Vào ngày 30/09/2014	10.145.250.000	-	10.145.250.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	109.688.000 VND
Vào ngày 30/09/2014	109.688.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.12 Bất động sản đầu tư**

	Trạm thu phát sóng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Vào ngày 01/04/2014	40.035.407.440	40.035.407.440
Mua sắm trong kỳ	46.772.726	46.772.726
Vào ngày 30/09/2014	40.082.180.166	40.082.180.166
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Vào ngày 01/04/2014	36.650.344.351	36.650.344.351
Khấu hao trong kỳ	1.604.471.540	1.604.471.540
Vào ngày 30/09/2014	38.254.815.891	38.254.815.891
<b>Giá trị còn lại</b>		
Vào ngày 01/04/2014	3.385.063.089	3.385.063.089
Vào ngày 30/09/2014	1.827.364.275	1.827.364.275

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	10.940.863.016 VND
Vào ngày 30/09/2014	34.802.323.785 VND

**4.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm	1.075.402.517	1.247.608.308
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Cho vay-Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
	<b>4.005.954.517</b>	<b>4.178.160.308</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (c)	(2.930.552.000)	(2.930.552.000)
<b>Giá trị đầu tư dài hạn thuần</b>	<b>1.075.402.517</b>	<b>1.247.608.308</b>

(a) Khoản góp vốn đầu tư vào công ty TNHH Hanel – CSF là 100.000 USD tương đương 1.831.595.000 VND, chiếm tỷ lệ sở hữu là 10%.

(b) Khoản cho vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF với lãi suất 16,8%/năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011 nhưng đến nay công ty TNHH Hanel – CSF chưa hoàn trả được do hoạt động kinh doanh bị lỗ quá số vốn góp của chủ sở hữu.

(c) Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ tài chính như sau:

	Số dư đầu kỳ VND	Dự phòng tăng trong kỳ VND	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF	1.831.595.000	-	-	1.831.595.000
Cho vay - Công ty TNHH Hanel – CSF	1.098.957.000	-	-	1.098.957.000
	<b>2.930.552.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.930.552.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.14 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	13.144.124	73.698.356
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng trạm thu phát sóng	191.860.242	315.463.958
	<b>205.004.366</b>	<b>389.162.314</b>

**4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	188.828.815	130.932.680
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	45.278.200	45.278.200
	<b>234.107.015</b>	<b>176.210.880</b>

**4.16 Tài sản dài hạn khác**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Đặt cọc thuê đất trạm	2.066.850.000	2.066.850.000
Ký quỹ thuê văn phòng, thuê kho	403.282.785	404.282.785
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành	285.305.121	289.627.688
	<b>2.755.437.906</b>	<b>2.760.760.473</b>

**4.17 Lợi thế thương mại**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu kỳ	2.362.340.427	2.699.817.627
Phân bổ trong kỳ	(168.738.600)	(337.477.200)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.193.601.827</b>	<b>2.362.340.427</b>

**4.18 Vay ngắn hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Vay ngân hàng BIDV chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,4%/năm.	1.252.771.836	-
Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn từ 1 đến 7 tháng, lãi suất 8%/năm	1.176.310.455	-
Khoản vay từ các cá nhân không phải đảm bảo và chịu lãi suất từ 0% đến 1% một tháng	3.964.868.000	4.231.400.000
	<b>6.393.950.291</b>	<b>4.231.400.000</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

4.19 Phải trả người bán	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Phải trả người bán – bên liên quan	516.040.113	502.152.028
Phải trả người bán – bên thứ ba	7.841.441.609	16.032.070.477
	<b>8.357.481.722</b>	<b>16.534.222.505</b>
4.20 Người mua trả tiền trước	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Người mua trả tiền trước – bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	982.592.185	3.492.870.437
	<b>982.592.185</b>	<b>3.492.870.437</b>
4.21 Thuế		
<b>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>	<b>30/09/2014 VND</b>	<b>01/04/2014 VND</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	1.127.250.000	1.127.250.000
	<b>1.127.250.000</b>	<b>1.127.250.000</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>30/09/2014 VND</b>	<b>01/04/2014 VND</b>
Thuế GTGT đầu ra	580.183.541	715.121.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.698.996.902	4.368.546.068
Thuế thu nhập cá nhân	186.785.574	198.567.676
Thuế khác	120.000	80.000
	<b>2.466.086.017</b>	<b>5.282.315.090</b>
4.22 Chi phí phải trả	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Chi phí thi công, lắp đặt	621.530.402	739.727.454
	<b>621.530.402</b>	<b>739.727.454</b>
4.23 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.227.235.550	5.432.814.400
Khoản vay các bên liên quan	-	780.105.858
Quỹ phúc lợi phải trả Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	110.372.000	283.987.600
Tiền thuế đất - các bên liên quan	-	77.783.333
Phi tiện ích – các bên liên quan	183.527.888	12.565.691
Phải trả khác	891.339.433	1.136.658.690
	<b>11.412.474.871</b>	<b>7.723.915.572</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**4.24 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Phí bảo hành sản phẩm	1.609.716.145	1.714.976.347
Phải trả khác	628.590.887	-
	<b>2.238.307.032</b>	<b>1.714.976.347</b>

**4.25 Doanh thu chưa thực hiện**

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, doanh thu chưa thực hiện là số tiền thu trước của khách hàng tiền cho thuê đất trạm thu phát sóng.

**4.26 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**4.26.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 01/04/2013</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.421.132.831	49.635.248.261	149.496.843.867
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	17.845.784.316	17.845.784.316
Trích lập quỹ	-	-	-	31.186.209	(1.223.998.629)	(1.192.812.420)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(56.902.335.200)	(56.902.335.200)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(295.805.757)	-	(295.805.757)
<b>Số dư tại ngày 01/04/2014</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>6.083.358.132</b>	<b>(1.007.355.357)</b>	<b>2.156.513.283</b>	<b>9.354.698.748</b>	<b>108.951.674.806</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	6.458.631.410	6.458.631.410
Trích lập quỹ	-	-	-	289.954.000	(700.022.230)	(410.068.230)
Chia cổ tức (*)	-	(6.083.358.132)	-	-	(3.094.437.868)	(9.177.796.000)
Tăng khác	-	-	-	-	297.470.489	297.470.489
<b>Số dư tại 30/09/2014</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.007.355.357)</b>	<b>2.446.467.283</b>	<b>12.316.340.549</b>	<b>106.119.912.475</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Công ty mẹ, mức chi cổ tức năm tài chính 2013 là 22% trên vốn điều lệ, và theo phương án chia cổ tức trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày này, Công ty mẹ chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối là 14.107.793.068 VND và từ thặng dư vốn cổ phần là 6.083.358.132 VND.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/09/2014, Công ty mẹ chia cổ tức đợt cuối là 10% vốn điều lệ, bao gồm 3.094.437.868 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính 2013 và 6.083.358.132 VND từ thặng dư vốn cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 của Công ty mẹ, vốn điều lệ là 92.364.460.000. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Ngày 30/09/2014		Ngày 31/03/2014	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	44.057.490.000	47,70%	44.057.490.000	47,70%
Công ty cổ phần Đầu tư Tánh Linh	16.470.000.000	17,83%	16.470.000.000	17,83%
Các cổ đông khác	31.250.470.000	33,84%	31.250.470.000	33,84%
Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	586.500.000	0,63%	586.500.000	0,63%
	<b>92.364.460.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>100,00%</b>

**4.26.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức của Công ty mẹ**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm/kỳ	92.364.460.000	92.364.460.000
+ Vốn góp tăng trong năm/kỳ	-	-
+ Vốn góp (giảm) trong năm/kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm/ kỳ	92.364.460.000	92.364.460.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(586.500.000)	(586.500.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	<b>91.777.960.000</b>	<b>91.777.960.000</b>
<b>Chi trả cổ tức</b>	9.177.796.000	56.902.335.200
Trong đó :		
- Chi trả bằng cổ phiếu	-	-
- Chi trả bằng tiền	9.177.796.000	56.902.335.200

**4.26.3 Cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ**

	30/09/2014	01/04/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	92.364.460	92.364.460
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm/kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(58.650)	(58.650)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.177.796	9.177.796
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

**4.27 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu kỳ	7.147.890.539	6.009.916.398
Lãi thuần trong kỳ	795.647.477	3.625.632.131
Cổ tức được chia	(4.704.000.000)	(2.352.000.000)
Trích lập các quỹ	(31.829.083)	(135.657.990)
Số dư cuối kỳ	<b>3.207.708.933</b>	<b>7.147.890.539</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	41.019.583.102	75.368.502.813
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	15.334.363.847	15.497.751.897
	56.353.946.949	90.866.254.710
Trừ: Hàng bán bị trả lại	(126.664.000)	(15.765.180)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>56.227.282.949</b>	<b>90.850.489.530</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	27.477.113.380	51.196.918.643
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	7.556.870.688	9.114.217.849
	<b>35.033.984.068</b>	<b>60.311.136.492</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.351.198.892	2.959.691.096
Lãi cho vay	146.282.441	570.677.750
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.982.562	-
	<b>2.502.463.895</b>	<b>3.530.368.846</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Lãi vay	258.848.292	251.710.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.217.470	135.818.971
	<b>313.065.762</b>	<b>387.529.324</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Chi phí nhân công	5.893.744.176	4.979.241.102
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	118.190.409	96.077.294
Chi phí khấu hao	20.732.751	35.862.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.982.047.105	993.580.738
Chi phí khác	1.056.313.710	1.358.775.749
	<b>9.071.028.151</b>	<b>7.463.537.876</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Chi phí nhân công	2.923.432.533	3.969.140.482
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.391.230	157.879.649
Chi phí khấu hao	111.339.718	274.353.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	991.499.525	1.688.038.674
Chi phí khác	697.706.409	878.831.704
	<b>4.825.369.415</b>	<b>6.968.243.559</b>

**5.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	22.111.460	219.039.864
Thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	100.000.000
Thu nhập khác	3.166	961.159
	<b>22.114.626</b>	<b>320.001.023</b>

**5.8 Chi phí khác**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt khác	160.432.715	-
Chi phí thanh lý tài sản	-	1.604.018
Chi phí khác	30.875	10.419.433
	<b>160.463.590</b>	<b>12.023.451</b>

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	9.347.950.484	19.558.388.697
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(4.632.835.750)	(2.080.745.844)
Tổng thu nhập chịu thuế	4.715.114.734	17.477.642.853
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>2.151.567.733</b>	<b>4.369.410.713</b>

Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) theo cơ quan thuế sẽ được doanh nghiệp điều chỉnh ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản:		
- Dự phòng chi phí bảo hành	-	10.268.810
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	(57.896.135)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(57.896.135)</u>	<u>10.268.810</u>

**5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	VND 6.458.631.409	13.099.490.733
Cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP 9.177.796	9.177.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 704	1.427

**5.12 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Hàng hóa xuất bán	18.267.251.967	52.046.731.710
Chi phí nguyên vật liệu	2.445.126.975	9.451.560.591
Chi phí nhân công	9.318.676.709	2.550.479.728
Chi phí công cụ, dụng cụ	242.213.555	223.758.481
Chi phí khấu hao	1.930.396.007	4.023.255.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.188.016.644	3.065.988.059
Chi phí bằng tiền khác	3.349.626.311	1.340.812.455
	<u>48.741.308.168</u>	<u>72.702.586.361</u>

**6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.



#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và EUR. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.146,32	188,84
Phải trả người bán	102.709,47	-
	<u>107.855,79</u>	<u>188,84</u>

#### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 4.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	6.393.950.291	-	6.393.950.291
Phải trả người bán	8.357.481.722	-	8.357.481.722
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	11.886.738.971	-	11.886.738.971
	<b>26.638.170.984</b>	<b>-</b>	<b>26.638.170.984</b>
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	4.231.400.000	-	4.231.400.000
Phải trả người bán	16.534.222.505	-	16.534.222.505
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	8.463.643.026	-	8.463.643.026
	<b>29.229.265.531</b>	<b>-</b>	<b>29.229.265.531</b>

Tập đoàn cho rằng Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có các cam kết về việc thế chấp, cầm cố hay các hình thức đảm bảo khác bằng tài sản của Công ty để thực hiện các nghĩa vụ nợ tại ngày 30/09/2014 và ngày 31/03/2014.

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/09/2014 và ngày 31/03/2014.

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2014 VND	31/03/2014 VND	30/09/2014 VND	31/03/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	26.770.575.095	45.782.440.232	26.770.575.095	45.782.440.232
Các khoản phải thu khác	3.760.854.815	4.850.084.153	3.760.854.815	4.850.084.153
Các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn	3.362.507.279	5.328.928.031	3.362.507.279	5.328.928.031
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.841.227.050	25.106.570.692	18.841.227.050	25.106.570.692
Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	60.386.019.429	57.786.461.167	60.386.019.429	57.786.461.167
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.121.183.668</b>	<b>138.854.484.275</b>	<b>113.121.183.668</b>	<b>138.854.484.275</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2014	31/03/2014	30/09/2014	31/03/2014
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay ngắn hạn	6.393.950.291	4.231.400.000	6.393.950.291	4.231.400.000
Phải trả người bán	8.357.481.722	16.534.222.505	8.357.481.722	16.534.222.505
Phải trả khác	11.886.738.971	8.463.643.026	11.886.738.971	8.463.643.026
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.638.170.984</b>	<b>29.229.265.531</b>	<b>26.638.170.984</b>	<b>29.229.265.531</b>

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 và ngày 31 tháng 3 năm 2014, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn có các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm : thuê đất và nhà làm trạm thu phát sóng, thuê văn phòng và thuê kho.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang như sau:

	Số tiền thuê VND
Trong vòng 1 năm	7.500.973.382
Trên 1 năm đến 5 năm	22.140.771.358
Trên 5 năm	25.430.000
	<b>29.667.174.740</b>

### 7.2. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chưa theo dõi kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả theo bộ phận được phân loại theo lĩnh vực kinh doanh hay theo khu vực địa lý.

### 7.3. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ Bán hàng hóa và dịch vụ Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác Phải thu chi phí tiện ích Lãi cho vay Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	- (1.172.335.964) (702.505.767) 16.000.000 (64.394.359) (173.972.000)	48.635.000 (1.121.487.636) (819.617.091) 16.730.107 456.024.667 (158.069.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	108.366.000 (11.031.149) 14.527.631 (9.274.500) - -	102.445.611 (1.320.753.073) 19.574.639 (11.727.000) 600.000.000 21.315.000
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	544.550.380 12.736.469 8.000.000.000 208.013.333	94.600.700 - - -
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích	2.000.000 7.945.652 (300.000)	- 12.178.615 (13.107.000)
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	8.651.975 - 900.000.000 2.311.467	11.156.536 (300.000) - -
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay	148.500.000 13.295.252 (330.000) 1.600.000.000	240.000.000 22.939.475 (165.000) -

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, số dư các khoản phải thu/(phải trả) của Tập đoàn với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ Phải thu phi thương mại	67.426.084	402.805.292
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	91.087.600 4.477.772	- 11.766.799
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	293.511.700 5.152.909.420	431.760.780 18.120.576
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Bên liên quan Phải thu phi thương mại	2.443.418	6.563.039



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại	2.681.784	6.628.908
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại	1.604.337.869	155.011.199

**Phải trả các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	30/09/2014 VND	01/04/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	(515.354.505) (338.945.922)	(64.040.965) (729.375.061)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	(685.608) (4.780.050)	(49.038.963) -
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn Phải trả phi thương mại	-	(165.000)
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Phải trả phi thương mại	-	(1.767.700)

Các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan là không được đảm bảo và không chịu lãi.

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau :

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013 VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	1.472.618.500	1.569.683.410

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Người lập

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Kế toán trưởng

  
  
**NGUYỄN HỮU DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014